

BƯỚC ĐẦU ĐỀ XUẤT KHUNG THIẾT KẾ KỊCH BẢN DẠY KỸ NĂNG NGHE - NÓI TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

ĐINH KIỀU CHÂU*

Abstract: This paper proposes a preliminary AI-supported framework for designing instructional scenarios for teaching Vietnamese listening and speaking as a foreign language addressing limitations of traditional foreign language instruction related to practice environments, interaction opportunities, and learner personalization. Drawing on Dell Hymes' SPEAKING model and integrating technology-enhanced educational frameworks, the study operationalizes communicative components into specific pedagogical requirements for scenario design. It further explores a discussion-oriented sample instructional scenario at the elementary level, clarifying the respective roles of teachers, learners, and AI across different stages of instructional organization. Through these analyses, the paper seeks to contribute a systematic approach to the integration of AI in teaching Vietnamese as a foreign language, while also suggesting directions for applied research in learning material development, teachers and the design of communicative activities.

Keywords: *Artificial Intelligence (AI), instructional scenario, listening and speaking skills, personalized learning*

1. Dẫn nhập

Trong dạy học ngoại ngữ, kỹ năng nghe - nói giữ vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của người học. Tuy nhiên, đối với người học ngoại ngữ nói chung và người học tiếng Việt như một ngoại ngữ nói riêng việc rèn luyện hai kỹ năng này thường gặp nhiều hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh thiếu môi trường sử dụng ngôn ngữ đích. Những khó khăn phổ biến có thể kể đến là cơ hội thực hành giao tiếp hạn chế, mức độ tương tác chưa cao và khó khăn trong việc cá nhân hoá quá trình học tập theo nhu cầu và trình độ của từng người học.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI), nhiều công nghệ mới đã và đang được ứng dụng trong giáo dục ngôn ngữ, góp phần mở rộng môi trường thực hành, tăng cường tương tác và hỗ trợ cá nhân hoá học tập. Các công cụ như chatbot, nhận diện giọng nói, hệ thống học tập thích ứng hay phản hồi tự động đã cho thấy tiềm năng đáng kể trong việc hỗ trợ phát triển kỹ năng nghe - nói, đặc biệt đối với người học không có điều kiện tiếp xúc thường xuyên với người bản ngữ.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu về ứng dụng AI trong dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ vẫn còn tương đối hạn chế và chủ yếu dừng ở mức giới thiệu công cụ hoặc thảo luận tiềm năng. Một vấn đề đặt ra là làm thế nào để tích hợp AI một cách có hệ thống, phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp và đặc thù của tiếng Việt, thay vì sử dụng AI như một công cụ rời rạc, mang tính hỗ trợ kỹ thuật đơn thuần.

Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết này tiếp cận AI từ góc độ sư phạm, coi AI là một thành tố tham gia vào quá trình thiết kế kịch bản dạy học kỹ năng nghe - nói. Trên cơ sở vận dụng mô hình SPEAKING của Dell Hymes kết hợp với các khung lý thuyết liên quan đến tích hợp công nghệ trong giáo dục, bài viết đề xuất một khung thiết kế kịch bản dạy học nghe - nói tiếng Việt như một ngoại ngữ có sự hỗ trợ của AI. Khung thiết kế này nhằm định hướng vai trò của giáo viên, người học và AI trong từng giai đoạn của kịch bản, đồng thời làm rõ giá trị gia tăng của AI trong việc tạo môi trường giao tiếp, cung cấp phản hồi tức thì và hỗ trợ cá nhân hoá học tập.

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: dinhkieuchau2020@gmail.com

Theo hướng tiếp cận đó, bài viết không nhằm kiểm chứng hiệu quả của AI thông qua thực nghiệm, mà hướng vào việc xây dựng và minh hoạ một khung sư phạm có tính hệ thống, có giá trị tham khảo cho nghiên cứu và thực tiễn giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

2. Một số cơ sở lý thuyết liên quan đến xây dựng kịch bản dạy nghe nói có ứng dụng AI

2.1. Năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp

a. Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ là khả năng tiềm tàng của cá nhân trong việc hiểu biết và sử dụng ngôn ngữ, bao gồm cả tri thức lý thuyết và kỹ năng thực hành. Năng lực này thể hiện ở khả năng sản sinh và hiểu các phát ngôn phù hợp với hệ thống ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp của một ngôn ngữ nhất định (Nguyễn Quang, 2016). Người có năng lực ngôn ngữ tốt thường biểu hiện qua:

- Sự thông thạo: Sử dụng từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp chính xác; diễn đạt một cách mạch lạc và rõ ràng.
- Sự nhạy cảm ngữ nghĩa: Hiểu và chọn lựa từ ngữ phù hợp với bối cảnh giao tiếp.
- Khả năng toàn diện: Nghe hiểu, đọc hiểu, viết và nói hiệu quả trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
- Khả năng diễn đạt ý tưởng: Chuyển hoá suy nghĩ thành lời nói hoặc văn bản một cách dễ dàng; thuyết phục người khác thông qua lập luận chặt chẽ.

Năng lực ngôn ngữ là nền tảng quan trọng, giúp cá nhân tiếp nhận tri thức, truyền đạt suy nghĩ, cảm xúc và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội thông qua phương tiện ngôn ngữ.

b. Năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp là khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả và phù hợp trong các tình huống giao tiếp xã hội cụ thể. Năng lực này không chỉ bao gồm kiến thức ngôn ngữ mà còn là khả năng vận dụng ngôn ngữ để đạt được mục đích giao tiếp, được biểu hiện qua các khía cạnh sau:

- Lựa chọn phù hợp: Xác định hành vi giao tiếp đúng với ngữ cảnh, đối tượng, mục đích và vai trò xã hội.
- Kết hợp linh hoạt: Sử dụng đồng thời ngôn từ và phi ngôn từ (cử chỉ, nét mặt, điệu bộ...) cùng các yếu tố văn hoá - xã hội để nâng cao hiệu quả giao tiếp.
- Phản ứng và điều chỉnh: Lắng nghe, thấu hiểu ý định của đối phương; đưa ra phản hồi và điều chỉnh cách diễn đạt để đảm bảo giao tiếp đạt được hiệu quả tối ưu.

Năng lực giao tiếp là sự kết hợp toàn diện của năng lực ngôn ngữ, năng lực văn hoá - xã hội, năng lực diễn ngôn, năng lực chiến lược và các kỹ năng mềm như lắng nghe, thuyết phục, đồng cảm (Nguyễn Quang, 2016). Đây là mục tiêu cao nhất trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ, giúp cá nhân giao tiếp thành công trong môi trường xã hội đa dạng và phức tạp. Nói cách khác, năng lực ngôn ngữ là điều kiện cần còn năng lực giao tiếp là điều kiện đủ để người học sử dụng ngôn ngữ thành công trong thực tiễn.

c. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp trong dạy học ngoại ngữ

Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp là mục tiêu cốt lõi trong giảng dạy ngoại ngữ, nhằm giúp người học không chỉ hiểu biết về hệ thống ngôn ngữ mà còn sử dụng được ngôn ngữ một cách linh hoạt, hiệu quả trong các tình huống thực tế. Việc tích hợp cả hai năng lực này vào quá trình dạy học đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu xã hội.

Năng lực ngôn ngữ (NLNN) được phát triển thông qua việc củng cố kiến thức ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp nhằm xây dựng nền tảng hệ thống ngôn ngữ vững chắc. Người dạy cần kết hợp lý thuyết với các hoạt động thực hành đa dạng như nghe, nói, đọc, viết và thiết kế bài tập sáng tạo như trò chơi, đọc hiểu, viết đoạn văn, hoặc nghe hội thoại... Các phương pháp giảng dạy hiện đại như phương pháp trực quan, giao tiếp, nhập vai hoặc dạy học dự án được khuyến khích sử dụng để thúc đẩy tính chủ động và sáng tạo của người học. Đồng thời, môi trường học tập đa dạng với sự tham gia của giáo viên bản ngữ, hoạt động ngoại khoá, giao lưu quốc tế và việc sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại cũng là yếu tố quan trọng trong việc phát triển NLNN.

Năng lực giao tiếp (NLGT), với vai trò là mục tiêu cao nhất trong dạy ngoại ngữ, được thúc đẩy nhờ phương pháp giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT), giúp người học sử dụng ngôn

ngữ như một công cụ trao đổi thông tin thay vì chỉ học cấu trúc/mẫu câu thuần túy. Các hoạt động nhóm, làm việc cặp, đóng vai tình huống, thảo luận và dự án nhỏ là những hình thức luyện tập hiệu quả để rèn luyện kỹ năng nói, phản xạ nhanh và sự tự tin. Việc kết hợp các yếu tố văn hoá - xã hội vào bài học, như phong tục và chuẩn mực giao tiếp của ngôn ngữ mục tiêu, giúp người học sử dụng ngôn ngữ phù hợp với từng bối cảnh. Hơn nữa, các trải nghiệm thực tế như giao tiếp với người bản ngữ, tham gia sự kiện, cuộc thi hoặc giao lưu trực tuyến cung cấp cơ hội thực hành thực tiễn, góp phần phát triển toàn diện NLGT.

Như vậy, sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển NLNN và NLGT trong giảng dạy ngoại ngữ không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà còn đảm bảo người học có đủ kỹ năng để sử dụng ngôn ngữ hiệu quả trong các tình huống thực tế. Trong dạy học ngoại ngữ còn cần chú ý đến năng lực giao tiếp liên văn hoá (ICC). Đây được coi là mục tiêu cao nhất nếu muốn đào tạo người học sử dụng được ngôn ngữ hiệu quả toàn diện, phù hợp trong các tình huống có yếu tố khác biệt văn hoá.

d. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển năng lực với việc dạy ngoại ngữ

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học ngoại ngữ đã và đang trở thành xu hướng quan trọng, với nhiều công nghệ phổ biến góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ và giao tiếp của người học. Các công cụ như chatbot mô phỏng giao tiếp với người bản ngữ, công nghệ nhận diện giọng nói giúp phân tích và sửa lỗi phát âm, hay nền tảng Adaptive Learning cá nhân hoá nội dung học theo tiến trình và nhu cầu từng cá nhân, đang được sử dụng rộng rãi. Những công nghệ này mang lại lợi ích thiết thực như cải thiện kỹ năng ngôn ngữ thông qua phản hồi tức thì, tăng cường tương tác giao tiếp thực tế và tối ưu hoá việc đánh giá năng lực của người học.

Đặc biệt, AI đã hỗ trợ phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua việc cá nhân hoá quá trình học tập. Các ứng dụng như Duolingo và ELSA Speak chẳng hạn cung cấp phản hồi tức thì, giúp học viên nhanh chóng sửa lỗi phát âm hoặc ngữ pháp, đồng thời sử dụng đa dạng phương tiện như video, trò chơi và bài tập tương tác để nâng cao cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Ngoài ra, khả năng tiếp cận linh hoạt trên nhiều thiết bị giúp người học tận dụng tối đa thời gian và không gian để trau dồi kiến thức.

Trong việc phát triển năng lực giao tiếp, AI tạo ra môi trường học tập mô phỏng tình huống thực tế, cho phép học viên thực hành ngôn ngữ trong các bối cảnh giao tiếp đa dạng. Sự hỗ trợ từ chatbot và trợ lý ảo không chỉ giúp tăng cường phản xạ mà còn xây dựng sự tự tin khi giao tiếp khi nhờ môi trường học không áp lực, phản hồi kịp thời, người học dễ dàng thực hành và cải thiện kỹ năng giao tiếp mà không sợ sai hay ngại ngùng.

Đối với giáo viên, AI là công cụ đắc lực trong việc theo dõi tiến trình học tập, đánh giá kỹ năng và điều chỉnh phương pháp giảng dạy, từ đó cải thiện đáng kể hiệu quả giảng dạy. Những lợi ích này khẳng định tiềm năng vượt trội của AI trong việc nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ.

2.2. Kỹ năng nghe - nói trong việc dạy học ngoại ngữ

Dạy kỹ năng nghe - nói theo hướng phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp (liên văn hoá) là một quá trình tích hợp kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng thực hành và hiểu biết văn hoá. Mục tiêu là giúp người học sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong các tình huống giao tiếp thực tế đa dạng, đồng thời phát triển năng lực hành động và thích ứng trong môi trường giao tiếp liên văn hoá toàn cầu

- Kỹ năng nghe: Giúp học sinh phát triển khả năng tiếp nhận thông tin, hiểu ý nghĩa trong các tình huống giao tiếp đa dạng, từ đó phản ứng phù hợp. Việc luyện nghe cần được thiết kế theo các chủ đề, ngữ cảnh gần gũi với thực tế, có tính liên văn hoá để học sinh làm quen với cách sử dụng ngôn ngữ trong môi trường giao tiếp thực tế.

- Kỹ năng nói: Tập trung phát triển khả năng phản xạ, diễn đạt ý tưởng, cảm xúc một cách rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với từng ngữ cảnh giao tiếp. Dạy kỹ năng nói còn bao gồm việc rèn luyện phát âm chuẩn, ngữ điệu, ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ để đảm bảo hiệu quả giao tiếp.

Việc kết hợp nghe - nói trong các hoạt động giao tiếp giúp người học phát triển năng lực giao tiếp linh hoạt, tự tin trong các tình huống giao tiếp thực tế, từ đó nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ như một công cụ giao tiếp quốc tế. Phương pháp và kỹ thuật dạy nghe - nói trong dạy ngoại ngữ đóng vai trò then chốt trong phát triển năng lực giao tiếp. Trong dạy nghe, các phương pháp phổ biến gồm nghe chủ động (tập trung vào nội dung chính qua nghe toàn phần, nghe chi tiết, nghe định hướng), nghe phân tầng (luyện nghe từ ý chính đến chi tiết qua nhiều lần) và nghe tương tác (kết hợp hoạt động giao tiếp để tăng cường hiểu biết). Về dạy nói, phương pháp giao tiếp khuyến khích thực hành trong tình huống thực tế qua đóng vai, thảo luận nhóm, cùng với tiếp cận ngữ liệu qua nhiệm vụ cụ thể như giải quyết vấn đề hoặc dự án nhỏ giúp phát triển kỹ năng nói tự nhiên. Dạy phát âm tập trung vào kỹ thuật lặp lại và bắt chước nhằm nâng cao độ chính xác và tự nhiên. Công nghệ hỗ trợ như ứng dụng AI (Duolingo, ELSA Speak...), phần mềm phân tích giọng nói và môi trường mô phỏng thực tế ảo góp phần cải thiện kỹ năng nghe - nói bằng phản hồi tức thì và môi trường học linh hoạt. Kết hợp nghe - nói qua hoạt động đôi hoặc trò chơi ngôn ngữ như kể chuyện, đố chữ giúp học viên đồng thời phát triển hai kỹ năng. Do đó, việc áp dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật cùng công nghệ hiện đại tạo môi trường học tập hiệu quả, sinh động và thiết thực.

2.3. Mô hình SPEAKING của Dell Hymes trong dạy nghe - nói theo đường hướng phát triển năng lực với hỗ trợ của AI

Mô hình SPEAKING của Dell Hymes là công cụ phân tích ngôn ngữ và giao tiếp tương đối toàn diện, giúp tổ chức các bài học nghe nói hiệu quả hơn. Khi tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI), mô hình này được tối ưu hoá, hỗ trợ việc cá nhân hoá học tập và tăng cường tương tác ngôn ngữ thực tế. Việc kết hợp mô hình SPEAKING của Dell Hymes với AI có khả năng mang lại cách tiếp cận toàn diện và hiệu quả hơn trong dạy kỹ năng nghe nói. Mô hình này không chỉ phát triển năng lực giao tiếp thực tế mà còn xây dựng sự tự tin, tính linh hoạt và khả năng thích nghi văn hoá cho học viên.

S - Setting and Scene (Bối cảnh và môi trường):

- Setting: Địa điểm và thời gian diễn ra giao tiếp (như một buổi hội thảo tại giảng đường đại học)
- Scene: Không khí và sắc thái giao tiếp (ví dụ, cuộc trò chuyện thân mật khác biệt so với bài thuyết trình trang trọng)

P - Participants (Người tham gia): Gồm người nói, người nghe, hoặc người quan sát, với vai trò cụ thể (chẳng hạn giáo viên là diễn giả chính và học sinh là khán giả).

E - Ends (Mục tiêu và kết quả):

- Mục tiêu: Lý do giao tiếp (ví dụ như giáo viên thuyết trình/giảng để học sinh hiểu nội dung bài học)
- Kết quả: Đánh giá mức độ đạt được mục tiêu giao tiếp.

A - Act Sequence (Trình tự hành động): Trình tự giao tiếp gồm các phần như mở đầu, nội dung chính và kết thúc (ví dụ như chào hỏi, truyền tải thông tin rồi cảm ơn).

K - Key (Giọng điệu và thái độ): Phong cách giao tiếp có thể nghiêm túc, hài hước, hoặc trang trọng, tùy thuộc vào ngữ cảnh, như giọng điệu trong bài phát biểu chính trị sẽ khác biệt so với buổi tiệc sinh nhật.

I - Instrumentalities (Công cụ giao tiếp): Phương tiện giao tiếp như lời nói, văn bản, hoặc công nghệ.

N - Norms (Chuẩn mực và quy tắc): Các quy tắc văn hoá, xã hội chi phối giao tiếp, (chẳng hạn, trong văn hoá Việt Nam, thưa thể hiện sự kính trọng).

G - Genre (Loại hình giao tiếp): Các loại hình giao tiếp như bài thuyết trình, đối thoại, hoặc email...

Mô hình SPEAKING của Dell Hymes cung cấp một khung phân tích giao tiếp toàn diện, nhấn mạnh mối quan hệ giữa ngôn ngữ, bối cảnh và các yếu tố văn hoá xã hội. Tuy nhiên, để vận dụng hiệu quả mô hình này vào thiết kế kịch bản dạy kỹ năng nghe - nói, đặc biệt trong bối cảnh có sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo cần tiến hành thao tác hoá các thành tố của mô hình theo hướng chuyển hoá từ bình diện phân tích diễn ngôn sang bình diện thiết kế sư phạm.

Theo hướng tiếp cận này, mỗi thành tố trong mô hình SPEAKING không chỉ được hiểu như một yếu tố mô tả bối cảnh giao tiếp, mà còn được cụ thể hoá thành:

- (a) Yêu cầu ngôn ngữ (từ vựng, cấu trúc, yếu tố dụng học)
- (b) Loại hình nhiệm vụ nghe - nói phù hợp
- (c) Vai trò hỗ trợ của AI trong việc tạo ngữ cảnh, cung cấp phản hồi và cá nhân hoá hoạt động học tập.

Việc thao tác hoá mô hình SPEAKING theo cách này cho phép giáo viên thiết kế các kịch bản dạy học nghe nói một cách có hệ thống, bảo đảm sự gắn kết giữa mục tiêu giao tiếp, nội dung ngôn ngữ, nhiệm vụ học tập và công cụ công nghệ. Đồng thời, AI không đóng vai trò thay thế giáo viên mà trở thành thành tố hỗ trợ giúp hiện thực hoá các yếu tố giao tiếp vốn khó triển khai đầy đủ trong môi trường lớp học truyền thống.

Bảng 1. Khung thiết kế học liệu AI tích hợp TPACK, SAMR và CALL 3.0

MÔ HÌNH	TPACK	SAMR	CALL 3.0
Ý nghĩa	“Hợp lực” giữa các kiến thức	Đánh giá mức độ đổi mới của AI	Tương tác người - máy
Nội dung	TK (Technological Knowledge): Chatbot, nhận diện giọng nói, VR/AR3. PK (Pedagogical Knowledge): Kịch bản, hoạt động nhóm, phân hồi tức thì CK (Content Knowledge): Nội dung (từ vựng, mẫu câu, văn hoá...)	Các cấp độ: Substitution/ thay thế Augmentation/ tăng cường Modification/ biến đổi Redefinition/ tái định nghĩa	Ubiquitous: Truy cập đa thiết bị, học liên tục Adaptive: AI điều chỉnh theo dữ liệu tiến độ cá nhân Collaborative: Người học - AI - giáo viên cùng kiến tạo tri thức Analytics-driven: theo dõi tiến bộ, gợi ý can thiệp kịp thời

Dưới đây là một đề xuất áp dụng từng thành phần của mô hình SPEAKING vào dạy nghe nói với sự hỗ trợ của AI:

- **Setting (Ngữ cảnh):** AI có thể tạo ra các ngữ cảnh giao tiếp ảo thông qua công nghệ thực tế ảo (VR) hoặc thực tế tăng cường (AR), cho phép người học trải nghiệm các tình huống giao tiếp như hội nghị, phỏng vấn hoặc giao tiếp thường nhật tại nhà hàng, sân bay,... Điều này giúp học viên tiếp xúc với môi trường ngôn ngữ sống động và rèn luyện phản xạ ngôn ngữ tự nhiên.
- **Participants (Người tham gia):** Các chatbot hoặc trợ lý ảo tích hợp AI có thể mô phỏng nhiều vai giao tiếp khác nhau, từ bạn bè, đồng nghiệp đến người bán hàng hoặc khách hàng. AI cũng hỗ trợ việc tạo nhóm học tập trực tuyến, kết nối học viên với người bản ngữ hoặc các đối tác học tập khác.
- **Ends (Mục đích):** AI có thể giúp người học xác định và theo dõi các mục tiêu học tập cá nhân hoá, như cải thiện phát âm, tăng cường vốn từ vựng theo chủ đề, hoặc rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong các ngữ cảnh cụ thể. Công cụ AI thường cung cấp phản hồi ngay lập tức để người học nhận biết và điều chỉnh sai sót.
- **Act Sequence (Trình tự hành động):** AI hỗ trợ tổ chức các bài học theo trình tự hợp lý, từ giới thiệu tình huống, luyện tập từng bước đến thực hành toàn diện. Ví dụ, AI có thể hướng dẫn học viên nghe đoạn hội thoại, phân tích cấu trúc câu, sau đó mô phỏng tình huống để thực hành nói.
- **Key (Tâm trạng, cách thức):** Công nghệ AI nhận diện cảm xúc (emotion recognition) giúp điều chỉnh bài học phù hợp với tâm trạng của người học. Ví dụ, AI có thể điều chỉnh giọng điệu hoặc cách tiếp cận bài học khi học viên cảm thấy căng thẳng hoặc mất tập trung, từ đó tạo môi trường học tập thoải mái và tích cực.
- **Instrumentalities (Phương tiện giao tiếp):** AI cung cấp nhiều phương tiện giao tiếp đa dạng như video, hội thoại thực tế ảo, ứng dụng học tập, hoặc nền tảng trực tuyến. Các công cụ này giúp người học luyện tập kỹ năng nghe nói qua nhiều kênh khác nhau, từ văn bản đến âm thanh và hình ảnh.
- **Norms (Chuẩn mực giao tiếp):** AI có thể mô phỏng các quy tắc và chuẩn mực giao tiếp trong từng bối cảnh văn hoá xã hội khác nhau. Ví dụ, người học có thể thực hành cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng trong giao tiếp công việc hoặc ngôn ngữ thân mật trong các mối quan hệ cá nhân.

- Genre (Thể loại giao tiếp): AI giúp phân loại và cung cấp tài liệu học tập theo từng thể loại giao tiếp, như hội thoại thường nhật, bài thuyết trình, hay bài phát biểu chính thức. Người học có thể luyện tập nghe nói phù hợp với từng thể loại để đạt hiệu quả cao nhất.

Mô hình SPEAKING cung cấp khung ngữ cảnh giao tiếp; TPACK bảo đảm AI được kết nối hài hoà với nội dung và phương pháp; SAMR đo mức đổi mới; CALL 3.0 xác lập triết lí người và máy tương tác liên tục. Khi phối hợp bốn khung sẽ thể hiện rõ vai trò, mức độ và giá trị gia tăng của AI trong thiết kế kịch bản nghe - nói tiếng Việt.

Bảng 2. Khung kết hợp giữa người dạy và AI

Các bước	Vai trò của giáo viên	Vai trò của AI hỗ trợ
1. Chuẩn bị bối cảnh (Setting)	Chọn bối cảnh giao tiếp thực tế	Tạo môi trường giao tiếp ảo (mô phỏng không gian, tiếng động nền...); đặt câu hỏi kiểm tra nhận thức ban đầu...
2. Xác định người tham gia (Participants)	Phân vai cho học viên	Đóng vai người tham gia hội thoại thay thế khi thiếu người; phân tích vai trò, gợi ý cải thiện theo vai trò
3. Định hướng mục tiêu (Ends)	Xác định mục đích hội thoại	Cung cấp tình huống hội thoại mẫu có mục tiêu cụ thể; tạo kịch bản cá nhân hoá phù hợp trình độ học viên
4. Xây dựng trình tự hành động (Act Sequence)	Hướng dẫn các bước cơ bản trong giao tiếp	Phát hiện lỗi sai trong trình tự hội thoại, gợi ý sắp xếp lại; phản hồi tức thì về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc câu
5. Điều chỉnh sắc thái (Key)	Hướng dẫn cách biểu đạt sắc thái như lịch sự hay thân mật, vui vẻ trong lời nói	Nhận diện giọng điệu qua âm thanh, gợi ý điều chỉnh cảm xúc, đề xuất từ ngữ phù hợp ngữ cảnh và sắc thái
6. Sử dụng phương tiện giao tiếp (Instrumentalities)	Yêu cầu học viên sử dụng ngôn ngữ nói và/hoặc cử chỉ	Phân tích chất lượng phát âm, tốc độ nói, cung cấp phản hồi; nhận diện cử chỉ qua video, đề xuất cải thiện
7. Dạy quy tắc văn hoá (Norms)	Nhấn mạnh quy tắc giao tiếp văn hoá	Phân tích lời nói, gợi ý thay đổi phù hợp văn hoá tiếng Việt; cung cấp bài tập mô phỏng tình huống với quy tắc cụ thể
8. Đa dạng loại hình hội thoại (Genre)	Giới thiệu các kiểu hội thoại khác nhau, từ giao tiếp ngắn đến dài	Tạo mẫu hội thoại tùy chỉnh theo nhu cầu học viên; đánh giá khả năng giao tiếp, đề xuất lộ trình học tập riêng

2.4. Kịch bản trong dạy ngoại ngữ

Kịch bản dạy học trong giáo dục ngoại ngữ là sự bố trí có hệ thống các hoạt động dạy và học, dựa trên việc người học đã được thông báo một phần về nội dung và mục đích của các hoạt động này. Phương pháp này áp dụng đặc điểm của kịch bản sân khấu vào quá trình dạy học, tổ chức giờ học như một hình thức “đóng vai”, qua đó nâng cao hiệu quả truyền tải kiến thức. Kịch bản dạy học không chỉ giới hạn trong phạm vi bài học hay tiết học mà còn có thể triển khai cho cả các mô-đun học tập. Cấu trúc của kịch bản sư phạm bao gồm ba phần chính: mở đầu (kết nối tri thức cũ và mới), nội dung (triển khai hoạt động và tương tác) và đánh giá/mở rộng (củng cố, đánh giá và chuẩn bị cho kịch bản tiếp theo) (Nguyễn Hữu Lễ, 2013).

Trong dạy học ngoại ngữ, việc sử dụng các hoạt động kịch và diễn vai tạo ra môi trường giao tiếp ngôn ngữ tự nhiên, thực tế, qua đó phát triển năng lực giao tiếp và khả năng đồng cảm văn hoá của người học. Kịch bản dạy học đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro do chuẩn bị kĩ lưỡng, tăng cường tính hiệu quả và khả năng tiếp nhận kiến thức của người học. Đồng thời, việc tổ chức hoạt động logic và liên tục khơi dậy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, tạo môi trường tương tác hiệu quả, và phát triển kĩ năng giao tiếp liên văn hoá. Hơn nữa, kịch bản dạy học linh hoạt áp dụng trong các hình thức dạy học truyền thống cũng như điện tử (e-Learning), đáp ứng các mô hình tổ chức lớp học đa dạng.

Kịch bản dạy kỹ năng nghe nói có những đặc thù riêng, trong đó nghe thường đóng vai trò tiền đề cho nói. Phần nghe được thiết kế để chuẩn bị nội dung và bối cảnh cho các hoạt động nói, thường được tổ chức dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Các hoạt động diễn vai không chỉ bao gồm việc thực hiện kịch bản có sẵn mà còn khuyến khích người học sáng tạo, tưởng tượng, từ đó phát triển kỹ năng giao tiếp linh hoạt. (Ví dụ phương pháp “Repeat & Shadow” (nghe, lặp lại và bắt chước) được sử dụng hiệu quả trong việc rèn luyện kỹ năng nghe, cải thiện ngữ điệu và sự tự tin khi nói). Ngoài ra, thiết kế các hoạt động tương tác cao và phản hồi liên tục trong kịch bản giúp tăng cường khả năng phản xạ ngôn ngữ và vận dụng kiến thức vào thực tế. Nhìn chung, kịch bản dạy kỹ năng nghe nói không chỉ tạo môi trường học tập gắn với thực tế mà còn góp phần gia tăng hứng thú và hiệu quả học tập của người học.

3. Thiết kế kịch bản thử nghiệm ứng dụng AI trong dạy kỹ năng nghe - nói tiếng Việt ở trình độ sơ cấp

3.1. Mô tả về bậc sơ cấp theo Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài (2015)

Về tổng quát trình độ sơ cấp trong Khung năng lực tiếng Việt năm 2015 tập trung vào khả năng hiểu và sử dụng các câu, cấu trúc ngôn ngữ đơn giản, từ vựng cơ bản để giao tiếp các nhu cầu thiết yếu và quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày, với điều kiện người nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hỗ trợ.

Về kỹ năng ở bậc sơ cấp, kỹ năng nghe tập trung vào khả năng hiểu lời nói chậm, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc và thực hiện các chỉ dẫn đơn giản, trong khi kỹ năng nói là khả năng giao tiếp đơn giản, chậm rãi, hỏi đáp và mô tả các thông tin cá nhân và sinh hoạt hàng ngày trong phạm vi quen thuộc.

3.2. Bộ nguyên tắc và tiêu chí xây dựng kịch bản

3.2.1. Nguyên tắc thiết kế

- Lấy người học làm trung tâm: Kịch bản cần đặt người học vào vai trò chủ động tương tác với nội dung học tập, đảm bảo nội dung phù hợp với khả năng tiếp thu từ đó phát triển khả năng tự luyện tập.
- Hướng đến giao tiếp thực tế: Nội dung được xây dựng trên các tình huống thực tế, gần gũi thường gặp trong cuộc sống hàng ngày (ví dụ: chào hỏi, hỏi đường, mua sắm).
- Tích hợp công nghệ AI: Sử dụng chatbot, nhận diện giọng nói và phản hồi tự động để hỗ trợ học viên thực hành nghe - nói một cách cá nhân hoá.
- Đảm bảo sự nhất quán: Mỗi bài học tuân thủ cấu trúc thống nhất (khởi động, giới thiệu nội dung, luyện tập, kiểm tra và củng cố).

3.2.2. Tiêu chí thiết kế

- Phù hợp: Nội dung đáp ứng chuẩn Khung năng lực tiếng Việt 6 bậc (2015) ở trình độ sơ cấp.
- Khả thi: Ứng dụng các công nghệ AI phổ biến, không yêu cầu thiết bị phức tạp đối với người học.
- Nhất quán: Tất cả kịch bản tuân theo định dạng thống nhất, giúp người học dễ dàng theo dõi và thực hành.
- Có trọng tâm: Mỗi bài học tập trung vào một chủ đề cùng kỹ năng nghe - nói cụ thể, đi kèm từ vựng và cấu trúc ngữ pháp và các nội dung đặc thù liên quan.
- Phân loại: Nội dung được chia theo các chủ đề cụ thể (ví dụ: chào hỏi, mua sắm, thời tiết...) giúp người học dễ dàng lựa chọn bài học phù hợp
- Cá nhân hoá: AI hỗ trợ điều chỉnh độ khó, đưa ra phản hồi cá nhân dựa trên hiệu suất của người học; đồng thời giúp người học có thể chủ động xây dựng kịch bản phù hợp với mục tiêu của học viên và thực hành trong môi trường thân thiện, ít áp lực.

3.3. Mục tiêu tổng quát của khung

- Cung cấp một cấu trúc chuẩn mực và linh hoạt để thiết kế kịch bản học nghe - nói tiếng Việt, phù hợp với mọi chủ đề ở trình độ sơ cấp theo Khung năng lực tiếng Việt

- Tích hợp công nghệ AI nhằm tối ưu hoá quá trình học tập qua cá nhân hoá, phản hồi tức thì và tính tương tác.

3.4. Cấu trúc khung kịch bản đề xuất cho một đơn vị dạy học 90 phút

Việc phân chia thời gian trong khung kịch bản đề xuất được xây dựng trên cơ sở các chu trình sư phạm ngôn ngữ học tập được thừa nhận rộng rãi trong giáo dục quốc tế, đặc biệt là mô hình PPP (Presentation - Practice - Production) và phương pháp dạy học dựa trên nhiệm vụ (TBLT). Bên cạnh đó, cấu trúc này còn tham chiếu các kết quả nghiên cứu của tâm lí học nhận thức về khả năng duy trì sự chú ý và tối ưu hoá hiệu suất tiếp thu của người học trong một đơn vị thời gian 90 phút.

Thời gian	Mục tiêu	Hoạt động của GV (quan sát, giải thích sâu, điều chỉnh hoạt động)	Hoạt động của AI (hỗ trợ và tối ưu hoá trải nghiệm học tập)	Công cụ hỗ trợ
10 phút	Kích hoạt kiến thức nền và tạo hứng thú cho học viên	Giới thiệu chủ đề, dẫn dắt học viên vào bối cảnh qua câu hỏi khơi gợi, điều chỉnh/bổ sung khi cần	Hiện thị hình ảnh/video tình huống thực tế, gợi ý câu trả lời qua chatbot AI hoặc tạo phản hồi giọng nói...	Chatbot AI tương tác, nhận diện giọng nói
15 phút	Cung cấp từ vựng, mẫu câu cơ bản và phát âm chuẩn	Giải thích ý nghĩa từ vựng, cấu trúc câu, ngữ cảnh; quan sát, hướng dẫn phát âm, điều chỉnh lỗi ngữ pháp, bài tập ngắn như đặt câu, hoàn thành đoạn hội thoại trong phần cung cấp từ vựng và mẫu câu. Giáo viên giải thích các lỗi sai phổ biến và hướng dẫn khắc phục.	Giới thiệu từ vựng qua flashcard đa phương tiện (hình ảnh, âm thanh, ngữ cảnh); phát âm mẫu, đánh giá sửa lỗi phát âm. Gợi nhắc, phản hồi tức thì và gợi ý luyện tập theo các bài tập thực hành...	Speech Recognition, Flashcard AI
20 phút	Thực hành từ vựng và mẫu câu trong hội thoại nhóm nhỏ	Tổ chức nhóm, phân vai; giám sát, hỗ trợ khi nhóm gặp khó khăn trong sử dụng từ ngữ hoặc diễn đạt ý	Hỗ trợ nhóm qua chatbot cung cấp từ vựng, gợi ý tình huống giao tiếp mở rộng; ghi lại hội thoại để đánh giá, phản hồi...	Chatbot AI hỗ trợ phản hồi cá nhân hoá
30 phút	Cá nhân hoá trải nghiệm qua hội thoại 1-1 với AI	Hướng dẫn cách tương tác hiệu quả với AI (câu đơn giản, phát âm rõ); theo dõi tiến trình qua báo cáo AI. Giải thích ngữ cảnh văn hoá trong các tình huống giao tiếp nhóm hoặc hội thoại 1-1 với AI.	Mô phỏng tình huống linh hoạt, phản hồi tức thì về phát âm, ngữ pháp, ngữ điệu. Tích hợp mô phỏng tình huống giao tiếp mang yếu tố văn hoá và nhấn mạnh tính chi tiết quan trọng như giọng điệu, từ ngữ lịch sự. Sử dụng tính năng Adaptive Learning, điều chỉnh độ khó bài tập và nội dung theo tiến trình học tập của học viên. Đảm bảo từng bài học phù hợp với nhu cầu cá nhân và mức tiêu học tập	Chatbot AI, Avatar ảo mô phỏng
10 phút	Đánh giá hiệu quả học tập, củng cố kiến thức	Đánh giá bài kiểm tra, giải thích câu hỏi khó; nhận xét tiến bộ và chỉ định bài tập về nhà	Tổ chức bài kiểm tra nhỏ (trắc nghiệm, nói từ, sắp xếp câu); phân tích kết quả, gợi ý bài tập bổ sung cá nhân	Adaptive Learning, Quiz AI

3.5. Gợi ý triển khai thí điểm

Thời lượng: 90 phút; Chủ đề: Mua hàng; Trình độ: Sơ cấp

Mục tiêu buổi học:

- Nâng cao năng lực ngôn ngữ qua từ vựng và mẫu câu cơ bản về mua hàng ở Việt Nam.
- Phát triển năng lực giao tiếp/ liên văn hoá thực tế và tự tin của người học khi mua hàng, hiểu các quy tắc giao tiếp văn hoá mua hàng tại Việt Nam.

- Cá nhân hoá trải nghiệm học tập qua AI, giúp học viên làm quen với hội thoại tự nhiên.

Kế hoạch chi tiết

(1) Khởi động (10 phút): Kích hoạt kiến thức nền và tăng hứng thú học

- *Hoạt động:*

Giáo viên chiếu hình ảnh các sản phẩm thường gặp trong cửa hàng tạp hoá (nước, bánh, mì ăn liền...).

Học viên thảo luận nhanh, ví dụ như: “Bạn có biết tên những sản phẩm này bằng tiếng Việt không?”/ “Ở nước bạn, khi muốn mua hàng, thường nói như thế nào?”

- *Phản cá nhân hoá:*

AI đặt câu hỏi riêng cho từng học viên dựa trên câu trả lời trước đó, ví dụ: “Bạn đã từng mua gì tại cửa hàng ở Việt Nam?”/ “Bạn muốn học cách hỏi về sản phẩm nào?”

- *Kết quả mong đợi:* Học viên kết nối bài học với trải nghiệm thực tế.

(2) Giới thiệu bài học (15 phút): Cung cấp kiến thức về từ vựng và cấu trúc cơ bản

- *Từ vựng:* Giáo viên giới thiệu các từ vựng cơ bản qua hình ảnh:

+ Danh từ: nước, bánh, mì, sữa, trứng...

+ Động từ: mua, bán, lấy, cần...

- *Ngữ pháp:*

+ Mẫu câu yêu cầu: “Tôi muốn mua [sản phẩm].”/ “Cái này giá bao nhiêu?”/ “Cho tôi + số lượng + sản phẩm”/ “Tổng cộng là bao nhiêu tiền?”/ “Của tôi hết bao nhiêu?”

+ Cách nói lịch sự: Thêm từ “làm ơn,” “cảm ơn.” “ạ”, “ạ”

- *Phản cá nhân hoá:*

+ AI kiểm tra phát âm từng từ và đưa phản hồi riêng cho mỗi học viên qua công nghệ nhận diện giọng nói.

+ AI tạo trò chơi nhỏ: hiển thị hình ảnh sản phẩm, yêu cầu học viên nói tên sản phẩm hoặc câu liên quan.

- *Kết quả mong đợi:* Học viên nắm được từ vựng và cấu trúc cơ bản, tự tin sử dụng.

(3) Luyện tập giao tiếp nhóm (20 phút) - Thực hành ngôn ngữ qua hội thoại nhóm nhỏ

Hoạt động 1: Luyện tập hội thoại theo cặp (10 phút). Học viên chia cặp và thực hành hội thoại.

Ví dụ:

Người mua: “*Chào anh/chị. Tôi muốn mua một chai nước/Cho tôi 1 chai nước*”

Người bán: “*Đây ạ. Của anh là 10 nghìn đồng.*”

Người mua: “*Cảm ơn chị.*”

Phản cá nhân hoá: Giáo viên và AI xen kẽ hỗ trợ từng cặp, điều chỉnh lỗi phát âm hoặc ngữ pháp cá nhân.

Hoạt động 2: Thay đổi ngữ cảnh (10 phút)

Mỗi nhóm/cá nhân được giao một kịch bản khác nhau (mua bánh, mua mì, hỏi giá...). AI cung cấp các hội thoại ngắn và hướng dẫn cách trả lời linh hoạt.

Kết quả mong đợi: Học viên rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống thực tế, tăng phản xạ giao tiếp.

(4) Ứng dụng AI: Hội thoại cá nhân hoá (30 phút): Tùy chỉnh bài học dựa trên trình độ học viên.

Hoạt động 1: Tương tác với AI (15 phút)

Mỗi học viên sử dụng AI để thực hành hội thoại 1-1

Phản hồi từ AI về: Cách phát âm, tốc độ nói, độ chính xác của, ngữ pháp, tính tự nhiên của giao tiếp.

Hoạt động 2: Hội thoại mở rộng với AI (15 phút)

AI tạo tình huống bất ngờ: Người mua muốn hỏi thêm sản phẩm, mặc cả, người bán báo giá sai, học viên cần phản hồi các câu hỏi khác của người bán...

Mỗi học viên nhận phản hồi chi tiết từ AI về điểm mạnh và điểm cần cải thiện.

Phần cá nhân hoá nâng cao: AI điều chỉnh độ khó và tốc độ giao tiếp theo từng học viên, giúp phù hợp với trình độ.

Kết quả mong đợi: Học viên tự tin và thành thạo hơn trong giao tiếp với tình huống linh hoạt.

(5) Tổng kết và bài tập về nhà (10 phút) - Đánh giá buổi học và định hướng thực hành thêm

Tổng kết: Giáo viên và AI cùng đánh giá: Học viên đạt được gì (từ vựng, phát âm, cấu trúc...), điểm cần cải thiện riêng biệt.

Bài tập về nhà:

- AI giao bài tập cá nhân: ghi âm một đoạn hội thoại mua hàng (ít nhất 3 sản phẩm) sau đó học viên gửi lại và nhận phản hồi chi tiết từ AI.

- Yêu cầu thực hành thêm với AI với các dạng bài tập khác: chỉnh sửa, sáng tạo, lựa chọn, thay thế...

Kết quả mong đợi: Học viên ôn tập và nâng cao kỹ năng qua thực hành ngoài lớp học.

4. Một số bàn luận

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy ngoại ngữ đã và đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc về vai trò của người dạy, phương pháp giảng dạy cũng như thiết kế tiến trình học tập và học liệu. Trước hết, vai trò của giáo viên không còn giới hạn trong việc truyền đạt kiến thức mà chuyển sang chức năng thiết kế, tổ chức và dẫn dắt quá trình học tập. Giáo viên trở thành huấn luyện viên, cố vấn và người hỗ trợ cá nhân hoá lộ trình học cho từng học viên, đồng thời cần chủ động làm chủ công nghệ, phối hợp linh hoạt giữa các phương pháp truyền thống và hiện đại để tận dụng tối đa tiềm năng của AI trong nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Về phương pháp dạy học, cần ưu tiên các phương pháp giao tiếp lấy người học làm trung tâm, kết hợp hoạt động nhóm, nhập vai và dự án nhỏ với các tình huống mô phỏng thực tế do AI hỗ trợ. Việc thiết kế kịch bản dạy học đòi hỏi sự linh hoạt, đa dạng về ngữ cảnh, đối tượng, mục tiêu và thể loại giao tiếp, đồng thời tích hợp các yếu tố văn hoá xã hội nhằm phát triển toàn diện năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp thực tiễn. Các mô hình lý thuyết như SPEAKING hay kết hợp giữa ba mô hình quan trọng: TPACK, SAMR, và CALL 3.0 có thể được ứng dụng để phân tích và xây dựng bài học sát thực tế, đồng thời khai thác nền tảng AI tạo môi trường giao tiếp đa chiều, phản hồi tức thì và cá nhân hoá nội dung học tập.

Trong lĩnh vực học liệu, tư duy thiết kế cần chuyển đổi căn bản từ học liệu tĩnh, tuyến tính sang học liệu động, linh hoạt và cá nhân hoá tối đa. Học liệu tích hợp AI không chỉ là “gói kiến thức” đóng mà trở thành “hệ sinh thái học tập” mở, đa dạng và liên tục cập nhật, cho phép AI tự động điều chỉnh độ khó, nội dung và hình thức trình bày dựa trên dữ liệu học tập cá nhân. Học liệu cần bao gồm các tình huống giao tiếp đa chiều, đa vai trò và đa bối cảnh, trong đó AI đóng vai trò “đóng vai” nhiều nhân vật, điều chỉnh phản ứng theo hành vi và lựa chọn của người học. Giáo viên vì thế không chỉ là người truyền đạt mà còn là nhà thiết kế trải nghiệm học tập, xây dựng hệ sinh thái học liệu mở, linh hoạt, cá nhân hoá và cập nhật liên tục theo nhu cầu và tiến trình của từng học viên.

Việc tích hợp học liệu AI vào hệ thống dạy kỹ năng nghe - nói có thể thực hiện qua các nền tảng như hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), ứng dụng học tập di động và website học liệu. Trên LMS, khoá học được xây dựng với bài giảng video, tài liệu đọc và bài tập tương tác, đồng thời kết nối các công cụ AI như chatbot và nhận diện giọng nói để nâng cao trải nghiệm học tập. Ứng dụng di động hỗ trợ luyện tập hàng ngày qua mini-game, bài tập phát âm và hội thoại thực tế, tạo môi trường thực hành linh hoạt. Website học liệu tích hợp chatbot và nội dung đa dạng, cho phép người học tương tác chủ động và cá nhân hoá kỹ năng nghe - nói.

Tuy nhiên việc triển khai AI trong giảng dạy kỹ năng nghe - nói tiếng Việt (bao gồm cả khâu xây dựng kịch bản) không tránh khỏi các thách thức kỹ thuật. Đầu tiên, hệ thống AI cần xử lý và nhận diện chính xác các biến thể giọng nói, âm sắc và ngữ điệu của tiếng Việt - một ngôn ngữ có thanh điệu phức tạp. Sai sót trong nhận diện phát âm hoặc phản hồi không phù hợp có thể khiến người học cảm thấy nản lòng hoặc học sai cách.

Thứ hai, chi phí triển khai và vận hành các công nghệ AI như chatbot, nhận diện giọng nói, hoặc thực tế ảo (VR) có thể là rào cản lớn đối với các cơ sở giáo dục. Nhiều tổ chức đào tạo có thể gặp khó khăn trong việc trang bị thiết bị hiện đại hoặc duy trì hệ thống công nghệ.

Thứ ba, khả năng sử dụng AI của giáo viên và học viên cũng là một yếu tố đáng cân nhắc. Giáo viên cần được đào tạo chuyên sâu để khai thác hiệu quả các công cụ AI, trong khi học viên có thể cần thời gian làm quen với công nghệ. Ngoài ra, vấn đề bảo mật dữ liệu cá nhân khi sử dụng nền tảng AI cũng cần được quản lý chặt chẽ.

Có thể thấy, sự chuyển đổi toàn diện trong vai trò người dạy, phương pháp và học liệu dạy học ngoại ngữ trong kỉ nguyên AI đòi hỏi giáo viên không chỉ làm chủ công nghệ mà còn phải đổi mới tư duy sư phạm, trở thành nhà thiết kế và điều phối trải nghiệm học tập cá nhân hoá, sáng tạo và hiệu quả. Đây là nền tảng để phát triển giáo dục ngoại ngữ hiện đại, đáp ứng yêu cầu của xã hội số và hội nhập toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2015). *Thông tư 17/2015/TT-BGDĐT ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-17-2015-TT-BGDĐT-ban-hanh-Khung-nang-luc-tieng-Viet-dung-cho-nguoi-nuoc-ngoai-289134.aspx>
2. Nguyễn Hữu Lễ. (2013). *Một số vấn đề dạy theo kịch bản*. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, (53), 78-85.
3. Nguyễn Thiện Nam. (2010). *Vài suy nghĩ về việc ứng dụng phương pháp giao tiếp vào giờ dạy tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, (4), 39-44.
4. Đào Đức Niệm. (2013). *Phương pháp dạy học ngoại ngữ theo đường hướng thực hành giao tiếp (trên ngữ liệu tiếng Anh)*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Quang. (2016). *Từ năng lực ngôn ngữ đến năng lực liên văn hoá*. Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, 32(3), 1-9.
6. Nguyễn Quang. (2017). *Năng lực giao tiếp liên văn hoá: Một mô hình đề xuất*. Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, 33(5), 1-14.
7. Phạm Thị Thu Trang. (2024). *Ứng dụng AI trong dạy học ngoại ngữ: Tiềm năng và thách thức*. Tạp chí Thiết bị Giáo dục, 319(2), 23-24.
8. Nguyễn Kim Yến. (2018). *Xây dựng hội thoại cho giáo trình tiếng Việt thực hành dưới góc nhìn của lý thuyết tương tác hội thoại*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng nước ngoài

9. Hymes, D. H. (1962). *The ethnography of speaking*. In T. Gladwin & W. Sturtevant (Eds.), *Anthropology and human behavior* (pp. 13-53). Anthropological Society of Washington.
10. Hamzah, A. (2025). *Artificial intelligence in language learning*. JALLA, 1(1), 1-8.
11. Iqbal, R. (2005). *Scenario-based method for teaching, learning and assessment*. In *Proceedings of the 6th Conference on Information Technology Education* (pp. 261-266).
12. Nasution, K. F., & Rahman Hz, B. I. (2025). *The Mondly application as a modern solution for improving students speaking skills*. Indo-MathEdu Intellectuals Journal, 6(5), 7350-7367.
13. Nguyen, A., Ngo, H. N., Hong, Y., Dang, B., & Nguyen, B.-P. T. (2023). *Ethical principles for artificial intelligence in education*. Education and Information Technologies, 28, 4221-4241.